

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 06-6-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Diễm Châu**;

Ông **Trần Minh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Châu Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 05 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Trường H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980, Nơi sinh: A; Nơi thường trú: Số 36/4, khóm N, phường M, Thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: Nuôi gà; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành N, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Ái L, sinh năm 1961; anh chị em ruột: không có; vợ: Lê Thị Thu T, sinh năm 1981; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 2001 nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án 01 lần: Ngày 09/9/2016 bị Tòa án nhân thành phố L, tỉnh A, xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/05/2018, chưa nộp án phí dân sự nên chưa được xóa án tích; tiền sự không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08 tháng 01 năm 2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Ông Đoàn Văn N1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, thành phố C. (Xin vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: khu vực T, phường M, thành phố L, tỉnh A (Có mặt)

Người làm chứng:

Anh Đoàn Phát T1, sinh năm 2000; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, thành phố C. (Vắng mặt)

Ông Châu Hữu N2, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Ông Lê H1 T2, sinh năm 1945. (Có mặt)

Bà Trần Thị B, sinh năm 1954. (Vắng mặt)

Cùngnơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, Thành phố C.

Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện V, Thành phố C. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 5 giờ 45 phút ngày 08/01/2023 ông Đoàn Văn N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu xanh, biển kiểm soát: 65H5-5719 đến ao cá của ông tại ấp T, xã T, huyện V. Ông N1 để chìa khóa trong cái rổ xe và úp cái mũ bảo hiểm lên để giấu chìa khóa. Bên trong cốp xe ông để 01 cái bóp da có 200 USD và giấy tờ tùy thân mang tên Đoàn Văn N1. Đến khoảng 6 giờ cùng ngày thì ông phát hiện bị mất chiếc xe, ông N1 gọi điện báo cho con ruột tên Đoàn Phát T1 biết, T1 điều khiển xe mô tô đi tìm kiếm thì T1 phát hiện bị cáo Lê Trường H đang điều khiển xe mô tô của ông N1 với tốc độ rất cao nên T1 đuổi theo bị cáo H đến khoảng đầu kênh 16 thuộc xã V, lúc này có chiếc xe container chạy gần hết phần lộ nên H giảm tốc độ thì T1 chặn được xe của bị cáo H lại làm cho bị cáo H bị ngã xe, T1 nắm lấy áo của H và truy hô, lúc này H vùng vẫy mục đích định bỏ chạy nhưng bị người dân xung quanh giữ lại, trong lúc giằng co H đưa tay vào túi quần lấy ra 01 ống điều khóa 8 bằng kim loại ném vào bụi cỏ cách H khoảng 04 - 05 mét, lúc này ông Lê T1 đến nhặt và giao nộp cho Công an.

Đến ngày 18/01/2023, ông Nguyễn Tấn H1 phát hiện ở bụi chuối sau nhà tại ấp Đ, xã T, cách đường kênh 8 khoảng 10 mét có một cái ví da màu nâu, bên trong có số tiền 200 USD (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100 USD Mỹ) và một số giấy tờ mang tên Đoàn Văn N1 nên đã tìm trả cho ông N1, ông N1 xác định cái ví da trên là do ông để trong cốp xe mô tô bị mất. Quá trình tìm kiếm tài sản bị mất trộm ông N1 còn nhặt được 01 cái nón bảo hiểm ông N1 để úp trên rổ xe bị vứt bỏ cách hiện

trường bị mất xe khoảng 300m và cách lộ nhựa khoảng 7m bên tay trái theo hướng di chuyển của H.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS, ngày 11/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: xe mô tô biển số 65H5-5719 có trị giá 11.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đoàn Văn N1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu gì thêm.

Vật chứng còn tạm giữ: 01 ống điều khóa 8 hình chữ L bằng kim loại; 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu xanh, số IMEI 1: 866376047124737, số IMEI 2: 866376047124729, bên trong có gắn sim số: 0939.316.590; 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số IMEI 357256059629565, bên trong có gắn sim số: 0846.253.952; Tiền Việt Nam 2.770.000 đồng; 01 cái áo sơ mi dài tay màu xanh dương đậm; 01 cái quần jean dài màu xám đen; 01 cái nón bảo hiểm, màu xám, lưỡi nón màu đen thu giữ của bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Trường H đã thừa nhận hành vi của mình có thái độ T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSVT ngày 18/4/2023 đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Lê Trường H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát huyện V, Thành phố C thực hành quyền công tố và phát biểu luận tội trên cơ sở thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo chỉ thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Thành phố C chỉ truy tố bị cáo Lê Trường H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Xử phạt bị cáo Lê Trường H từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo H do có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu xanh, số IMEI 1: 866376047124737, số IMEI 2: 866376047124729, bên trong có gắn sim số: 0939.316.590; 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số IMEI 357256059629565, bên trong có gắn sim số: 0846.253.952 và Tiền Việt Nam 2.770.000 đồng không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 ống điều khóa 8 hình chữ L bằng kim loại là công cụ phạm tội nên đề nghị hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 cái áo sơ mi dài tay màu xanh dương đậm; 01 cái quần jean dài màu xám đen; 01 cái nón bảo hiểm, màu xám, lưỡi nón màu đen bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại ông N1 và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình điều tra cũng như cáo trạng số 15/CT-VKSVT ngày 18/4/2023 Cáo trạng số 18/CT-VKSVT ngày 18/4/2023 đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Thành phố C truy tố bị cáo Lê Trường H phạm tội “*Trộm cắp*

tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát huyện V, Thành phố C thực hành quyền công tố và phát biểu luận tội trên cơ sở thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo chỉ thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự do bản án số 72/2010/HSST ngày 04/8/2010 Của Tòa án nhân dân Thành phố L bị cáo H đã được xóa án tích. Tuy nhiên tại bản án số 97/2016/HSST ngày 09/9/2016 Tòa án nhân TP L, tỉnh A xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” mà lại áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009 là chưa đúng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Thành phố C chỉ truy tố bị cáo Lê Trường H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại cơ quan điều tra tuy bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đã có cơ sở thấy rằng ngày 08/01/2023 bị cáo Lê Trường H có hành vi lén lút lấy trộm xe của ông Đoàn Văn N1 trị giá 11.00.000 đồng hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Trường H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương chỉ vì chạy lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý lấy trộm xe của ông N1. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng đối với bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhưng phải đảm bảo đủ dài để bị cáo ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình và tiếp tục học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở T1 công dân chấp hành nghiêm pháp luật và cũng răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo T1 khẩn khai báo ăn năn hối cải theo quy định điểm s khoản 1 điều 51 bộ luật hình sự

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 09/9/2016 bị Tòa án nhân TP L, tỉnh A xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/05/2018, chưa nộp án phí dân sự nên chưa được xóa án tích mà lại phạm tội là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 bộ luật hình sự 2015.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu xanh, số IMEI 1: 866376047124737, số IMEI 2: 866376047124729, bên trong có gắn sim số: 0939.316.590; 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số IMEI 357256059629565, bên trong có gắn sim số: 0846.253.952 và Tiền Việt Nam 2.770.000 đồng

Tịch thu tiêu hủy 01 ống điều khóa 8 hình chữ L bằng kim loại; 01 cái áo sơ mi dài tay màu xanh dương đậm; 01 cái quần jean dài màu xám đen; 01 cái nón bảo hiểm, màu xám, lưỡi nón màu đen.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Trường H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Lê Trường H** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/01/2023.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo Lê Trường H.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu xanh, số IMEI 1: 866376047124737, số IMEI 2: 866376047124729, bên trong có gắn sim số: 0939.316.590; 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số IMEI 357256059629565, bên trong có gắn sim số: 0846.253.952 và tiền Việt Nam 2.770.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 ống điều khóa 8 hình chữ L bằng kim loại; 01 cái áo sơ mi dài tay màu xanh dương đậm; 01 cái quần jean dài màu xám đen; 01 cái nón bảo hiểm, màu xám, lưỡi nón màu đen.

(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Quyết định chuyển vật chứng số: 08/QĐ-VKSVT-HS ngày 18/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V).

2. Về án phí: Bị cáo Lê Trường H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nH:

- TAND Thành phố C;
- VKSND Thành phố C;
- VKSND huyện V;
- CAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp Thành phố C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 19 tháng 10 năm 2022;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Ông Trần Minh Tùng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Rành, sinh năm 1990, Nơi sinh: Bạc Liêu; Nơi thường trú: Ấp 38, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện tại: Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần thơ

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Rành** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các: khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Rành** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 20/7/2022.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo Nguyễn Văn Rành.

Thông nhất 3/3 (100%).

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Rành phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thông nhất 3/3 (100%).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi N2 vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi N2 vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày NH được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Thông nhất 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T1 viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

T1 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA